TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA VIỄN** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/ 5/ 2023
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN, TỈNH NINH BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lã Hoàng Giáp
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hiến.
Ông Hà Xuân Ninh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn tham gia phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Viễn, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST – HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Mỹ L**,** sinh năm 1995.
Địa chỉ: thôn C, xã P, huyện T, tỉnh TB.

- *Bị đơn:* anh Phạm Văn C, sinh năm 1990.
Nơi cư trú: xóm Đ, xã GT, huyện GV, tỉnh NB.

Chị L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh C vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2022, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Mỹ L trình bày: Chị và anh Phạm Văn C được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 12/5/2014 tại UBND xã GT, huyện GV, tỉnh NB. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, anh C hay chơi bời và có hành vi bạo lực đối với tôi, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Mặc dù cả hai đã cố gắng hoà giải hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên đến 2015 chị và anh C đã sống ly thân nhau hoàn toàn. Chị đã về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn C, xã P, huyện T, tỉnh TB sinh sống; hai vợ chồng ít liên lạc hay gặp gỡ và không ai quan tâm đến ai. Hiện nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu

thuẫn vợ chồng không thể hòa giải hàn gắn được nên chị làm đơn đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn C.

Về con chung*:* Chị Nguyễn Mỹ L và anh Phạm Văn C có một con chung là cháu Phạm Minh Kh, sinh ngày 26/9/2014; hiện nay cháu Kh đang ở với anh C. Khi ly hôn chị L xác định cháu Kh đang sinh sống ổn định cùng anh C nên đề nghị anh Phạm Văn C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Minh Kh. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng cho tới khi cháu Kh đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt, thông báo hợp lệ văn bản tố tụng nhưng anh C đã không đến Tòa án làm việc.

Toà án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ tại xóm Đông Thượng, xã Gia Tân; tại UBND xã Gia Tân; xác minh nơi cư trú tại công an xã Gia Tân; kết quả xác nhận: anh Phạm Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xóm Đ, xã GT, huyện GV, tỉnh NB; chị L hiện không chung sống cùng anh C. Đại diện cán bộ xóm Đông Thượng cung cấp việc anh C có một thời gian vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án. Chị L sinh sống với mẹ anh C một thời gian thì sinh con; sau đó chị L có đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng chị L và anh C có một con chung là một cháu trai; sau khi anh C chấp hành án xong đã đón con về ở cùng anh C tại xóm Đông Thượng, xã Gia Tân; hiện nay, cháu đang ở với anh C. Hoàn cảnh gia đình anh C rất khó khăn thuộc diện hộ nghèo trong xã, bản thân anh C không có thu nhập ổn định, bản thân anh C trước đây có tiền sử bệnh lao. Do không xác định được thu nhập cụ thể của anh C nên dựa theo thu nhập trung bình trên địa bàn xã đối với hộ nghèo là dưới 1.500.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Mỹ L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Văn C vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà không có lý do.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

- Khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Xử cho chị Nguyễn Mỹ L được ly hôn anh Phạm Văn C; Về con chung: Giao cháu Phạm Minh Kh, sinh ngày 26/9/2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với chị L. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng ; được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Viễn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Mỹ L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết Ly hôn với bị đơn là anh Phạm Văn C có nơi cư trú tại: xã GT, huyện GV, tỉnh NB. Quá trình tố tụng, vụ việc được chuyển sang thủ tục hòa giải đối thoại tại Tòa án, tuy nhiên việc hòa giải, đối thoại đã chấm dứt theo khoản 3 Điều 40 Luật Hòa giải Đối thoại tại Tòa án. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177; Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh Phạm Văn C. Anh Phạm Văn C vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Anh Phạm Văn C vắng mặt không có lý do lần thứ 2 tại phiên tòa, chị Nguyễn Mỹ L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Mỹ L và anh Phạm Văn C được tự do tìm hiểu, tự nguyên kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã GT, huyện GV, tỉnh NB vào ngày 12/5/2014. Viêc kết hôn của chị L, anh C đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn, không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Mỹ L và anh Phạm Văn C là hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như trình bày của chị L tại Tòa án, xác định quá trình chung sống chị L và anh C hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng lại không chung sống cùng nhau trong thời gian dài, dẫn đến tình cảm phai nhạt dần. Thực tế chị L và anh C đã sống ly thân hoàn toàn trong thời gian dài, không ai quan tâm đến ai. Anh C mặc dù đã được tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng của Tòa án, đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án làm việc, hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh C không hợp tác, có thái độ chống đối và vẫn cố tình vắng mặt, không tham gia các buổi làm việc, hòa giải. Như vậy, chứng tỏ anh C không có thiện chí, không hợp tác để Tòa án hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Nguyễn Mỹ L và anh Phạm Văn C đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Mỹ L.

Về con chung: Qua trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ xác định chị L và anh C có 01 con chung là cháu Phạm Minh Kh, sinh ngày 26/9/2014. Hiện nay, cháu đang ở với anh C. Khi ly hôn chị L đề nghị anh C tiếp tục trực tiếp nuôi con cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi;

Hội đồng xét xử xét thấy bản thân chị L và anh C đều không vi phạm nghĩa vụ làm cha, mẹ đối với con của mình. Xét thấy cháu Phạm Minh Kh đã ở với anh C thời gian dài, hiện nay vẫn đang tiếp tục ở với anh C; anh C quan tâm và chăm sóc cho cháu, đảm bảo các điều kiện cho cháu học tập và phát triển, phù hợp với trình bày của cháu Kh mà Tòa án đã thu thập trong quá trình giải quyết vụ án. Mặc dù điều kiện kinh tế của anh C khó khăn nhưng việc nuôi con là trách nhiệm chung của cả bố và mẹ, ngoài việc anh C đã trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung thời gian dài, ổn định; bản thân chị L cũng tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con với mức 3.000.000đồng/tháng là đảm bảo cuộc sống cho cháu. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu cần tiếp tục giao cho anh Phạm Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Phạm Minh Kh là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng cho con: Anh C và chị L không thỏa thuận về việc cấp dưỡng cho con, tuy nhiên chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, từ tháng 05/2023 cho đến khi cháu Phạm Minh Kh đủ 18 tuổi; Hội đồng xét xử xét thấy nghĩa vụ nuôi con chung là thuộc về cha mẹ, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định: "cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"; Mặt khác, hiện nay con chung của chị L và anh C đang ở độ tuổi đi học, để con được học tập và phát triển bình thường cũng như đáp ứng nhu cầu thiết yếu của con thì việc chị L tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/01 tháng là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Nên căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình xác định chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C, mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/01 tháng, tính từ tháng 5 năm 2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: chị L xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết; anh C vắng mặt không có ý kiến gì vì vậy Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Mỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Mỹ L được ly hôn anh Phạm Văn C.

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn C tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Minh Kh, sinh ngày 26/9/2014 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Mỹ L cấp dưỡng tiền nuôi con là 3.000.000 đồng/ tháng (*ba triệu đồng/tháng*) kể từ tháng 05/2023 cho đến khi cháu Phạm Minh Kh đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Mỹ L xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Mỹ L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân huyện Gia Viễn theo biên lai số AA/2021/0004121 ngày 15/12/2022; chị Nguyễn Mỹ L còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự: "Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Gia Viễn;
- Chi cục THADS huyện Gia Viễn;
- UBND xã Gia Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

Lã Hoàng Giáp